

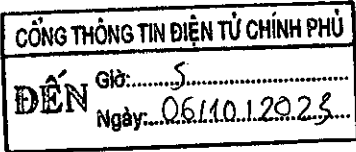
Số: 504/BC-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Việc thực hiện một số nghị quyết của Quốc hội khóa XIV về giám sát chuyên đề, chất vấn và nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn từ đầu nhiệm kỳ khóa XV đến hết Kỳ họp thứ 4 (lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch)

Kính gửi: Quốc hội



Thực hiện Kế hoạch số 435/KH-UBTVQH15 ngày 16/3/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai nội dung giám sát của Quốc hội về thực hiện một số nghị quyết của Quốc hội khóa XIV về giám sát chuyên đề, chất vấn và nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn từ đầu nhiệm kỳ khóa XV đến hết kỳ họp thứ 4, Chính phủ báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 về việc tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII, các nội dung thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 134) như sau:

Phần I.

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC
TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI**

1. Thuận lợi

- Lĩnh vực văn hóa nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội; nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững trong các cấp ủy, chính quyền được nâng lên, đặc biệt là sau thành công của Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các hoạt động kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương về văn hóa Việt Nam. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được đổi mới về phương pháp, đa dạng về hình thức, gắn với chuyển đổi số.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định việc triển khai các nhiệm vụ Quốc hội giao tại Nghị quyết số 134 là nhiệm vụ trọng tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện. Đặc biệt, hệ thống văn bản chính sách, pháp luật thể chế hóa Nghị quyết số 134 được các cơ quan của Chính phủ rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc

trình cấp có thẩm quyền ban hành. Nhiều quy định mới được triển khai thực hiện đã mang lại hiệu quả tích cực.

- Các Bộ, ngành, địa phương liên quan với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm, tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao đúng tiến độ.

2. Khó khăn, vướng mắc

Trước yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch còn đối diện một số khó khăn, vướng mắc:

- Thể chế về văn hóa đang trong quá trình từng bước hoàn thiện. Một số lĩnh vực về văn hoá đang được điều chỉnh bởi văn bản dưới luật, hoặc chưa được thể chế hoá (như: nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; văn hoá dân tộc, văn hoá quần chúng, tuyên truyền cổ động...). Một số lĩnh vực chưa có văn bản điều chỉnh như lĩnh vực văn học đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nghị định.

- Các quy định của pháp luật hiện hành về huy động nguồn lực cho thấy văn hóa chưa hoàn toàn là ngành nghề được ưu tiên, khuyến khích, như: Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) năm 2020 quy định chỉ có 5 lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức PPP, trong đó không có lĩnh vực văn hóa; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế là các khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học, khắc phục hậu quả thiên tai..., không có lĩnh vực văn hoá.

- Đã xuất hiện các hiện tượng văn hóa tầm thường, dễ dãi, mang tính thị trường; các biểu hiện “lệch chuẩn” trong hưởng thụ văn hóa.

- Môi trường văn hóa, đạo đức xã hội, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, văn minh công cộng chưa được xây dựng đồng bộ theo hướng văn hóa.

- Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân ở một số nơi còn đơn điệu; chưa có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao; việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa còn gặp khó khăn. Vấn đề xâm hại di tích, vi phạm trong hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích tuy không còn những vi phạm lớn nhưng vẫn còn xảy ra; thực hiện dự án tu bổ khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, không đúng với nội dung được thẩm định... nhất là ở những di tích tu bổ từ nguồn vốn xã hội hóa.

- Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống chưa đồng bộ; chưa kết hợp tốt giữa giáo dục đạo đức và pháp luật; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc tham gia xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam.

- Việc phát triển du lịch, phát triển công nghiệp văn hoá gặp nhiều khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, cơ hội về thiên nhiên, con người, truyền thống văn hóa - lịch sử.

Phần II.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 134/2020/QH14 NGÀY 17/11/2020 CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ, CHẤT VĂN TRONG NHIỆM KỶ KHÓA XIV VÀ MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT TRONG NHIỆM KỶ KHÓA XIII

1. Thực hiện các giải pháp về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội

1.1. Kết quả đạt được

a) Các biện pháp, giải pháp đã được triển khai thực hiện:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tập trung quán triệt việc nghiên cứu, nâng cao nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn nữa về văn hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 và Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 trước hết là ở các cơ quan quản lý nhà nước: Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị. Văn hóa vừa là trụ cột, vừa là nền tảng phát triển xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước.

- Tập trung chỉ đạo triển khai 06 nhóm nhiệm vụ và 04 nhóm giải pháp xây dựng, gìn giữ và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng kết luận tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021; triển khai Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 với 3 trụ cột tăng cường đầu tư, đổi mới sáng tạo và đột phá thể chế nhằm phát huy vai trò của trụ cột văn hóa gắn liền với trụ cột kinh tế, chính trị, xã hội theo hướng phát triển bền vững.

- Tập trung chỉ đạo, yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tham gia tích cực, triển khai các giải pháp đồng bộ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội.

b) Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các giải pháp:

Văn hóa là lĩnh vực rộng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành. Để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước cần có sự chung tay, vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tăng cường công tác chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hoá; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW trong đó nhấn mạnh đến vai trò, trách nhiệm gương mẫu của người đứng đầu, của đảng viên.

- Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ những “nút thắt”, “điểm nghẽn”, tạo khung khổ pháp lý đầy đủ phát triển văn hoá, thể thao và du lịch.

- Quan tâm, tăng đầu tư cho sự nghiệp văn hoá. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2023-2025 (Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 15/5/2023). Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2025-2035 trình Chính phủ báo cáo Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6. Chỉ đạo nghiên cứu, lập dự án và báo cáo Quốc hội thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các thiết chế văn hoá cấp quốc gia¹ nhằm đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hoá của nhân dân.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính đã chỉ đạo sát sao công tác xây dựng, hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện các Chiến lược, Chương trình, văn bản, đề án về phát triển văn hoá toàn diện:

+ Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021); đồng thời chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (giai đoạn 2023 - 2025).

+ Ban hành Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021 - 2026 (Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021).

+ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới (giai đoạn 2021-2030) (Quyết định số 2074/QĐ-TTg ngày 10/12/2021); ban hành Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021), Chương trình Phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2025 (Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/01/2022) hướng tới xây dựng gia đình tiến bộ, no ấm, hạnh phúc.

+ Phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025” nhằm tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hóa của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên để phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa; xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

- Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành địa phương tổ chức chuỗi các hoạt động kỷ niệm 80 Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023).

¹ Dự án Cải tạo Nhà hát Lớn và không gian văn hoá kịch nghệ quốc gia, dự án cải tạo, nâng cấp Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật quốc gia, Nhà hát Kịch Việt Nam cơ sở 2, dự án Khu nghi lễ thờ Tổ của Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam...

+ Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức Giải báo chí về chủ đề “Văn hóa ứng xử” năm 2020; tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động về văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng con người Việt Nam có lối sống, nhân cách đẹp; tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn, biểu dương các gương điển hình trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; đồng thời phê phán các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuyên truyền trách nhiệm của nhà trường, gia đình, người học, các tổ chức, đoàn thể đối với việc xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

+ Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức các đợt phát động sáng tác tranh cổ động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao; tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

+ Phối hợp với Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia ban hành Tiêu chí văn hóa giao thông đường bộ.

+ Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng Chương trình phối hợp về xây dựng đời sống văn hóa trong công nhân, viên chức, lao động giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung lồng ghép, triển khai các nội dung tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội với các phong trào khác.

+ Phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chương trình phối hợp đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho nam, nữ thanh niên về trách nhiệm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

+ Phối hợp với các địa phương trong công tác xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” theo hướng thực chất; thanh tra, kiểm tra, xử lý các sai phạm đạo đức trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn, bản quyền tác giả, mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, tổ chức lễ hội, du lịch, thể dục, thể thao, nhất là những hành vi bạo lực, phản cảm, ứng xử thiếu văn hóa; siết chặt quản lý các sản phẩm, dịch vụ văn hóa độc hại.

+ Xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử của nghệ sĩ, cùng với đó là Quy trình thí điểm phối hợp phát hiện, hạn chế tác động ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội từ các trường hợp không tuân thủ Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

+ Phát động trại sáng tác và sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật “Sống mãi với thời gian” giai đoạn 2022-2025, hướng tới 100 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2030) và 85 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 02/09/1945-02/09/2030) trên phạm vi toàn quốc.

+ Tổ chức các chương trình nghệ thuật điểm nhấn, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị, nhu cầu thụ hưởng văn hoá của nhân dân².

c) Kết quả đạt được cụ thể:

* Về việc ban hành văn bản pháp luật phục vụ chỉ đạo, điều hành:

Nhằm triển khai các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thời gian qua Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành theo thẩm quyền và chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan ban hành nhiều văn bản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội. Theo đó, Chính phủ đã trình Quốc hội khoá XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 4 dự án Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi); Luật Điện ảnh (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi); ban hành các Nghị định thi hành Luật. Báo cáo Trung ương, Quốc hội chấp thuận chủ trương xây dựng, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Qua đó từng bước tạo ra cơ sở chính trị, pháp lý đồng bộ, hình thành môi trường thể chế có khả năng điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể văn hóa theo hướng hài hòa, lành mạnh giúp phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và chủ thể sáng tạo của nhân dân.

* Đánh giá về kết quả việc triển khai về từng nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu:

- Công tác xây dựng con người Việt Nam mà trọng tâm là đạo đức, lối sống được quan tâm, triển khai ở hầu hết các cấp, các ngành với các chuẩn mực cụ thể. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được bảo tồn, phát huy thông qua các phong trào thi đua yêu nước. Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh đã trở thành một phong trào phát triển rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Các phong trào xây dựng con người mới với các chuẩn mực cụ thể của từng ngành, từng địa phương được triển khai, cụ thể hóa 5 đức tính cơ bản của con người Việt Nam thành những chuẩn mực, đặc trưng phù hợp với từng ngành, từng địa phương.

- Có sự chuyển biến trong việc đề cao giá trị gia đình trong giáo dục nhân cách, kế thừa và phát huy được một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc thông qua các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động nghĩa cử thể hiện đạo lý, tình thương, lòng nhân ái của con người và dân tộc Việt Nam: đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn; khuyến học khuyến tài; các hoạt động nhân đạo; tình làng nghĩa xóm; giúp đỡ người nghèo, người khó; giúp đỡ trẻ em khó khăn, tàn tật và những người lớn tuổi cô đơn; nạn nhân chất độc da cam; cứu trợ bão lụt, tai nạn; hiến đất làm đường, xây dựng trường học, các công trình văn hóa...

- Đạo đức xã hội được nhìn nhận, đánh giá trên nhiều bình diện mới: Khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, tôn trọng pháp luật, quy ước của cộng đồng dân cư. Tính năng động, tích cực của người dân được phát huy, sở trường và năng

² Ngày hội Văn hoá dân tộc Dao toàn quốc, Ngày hội VHTTDL vùng Tây Bắc, Ngày hội VHTTDL đồng bào Khmer Nam Bộ, Liên hoan Chèo toàn quốc, Liên hoan Cải lương toàn quốc, Hội diễn Tiếng hát công nhân, Liên hoan trình diễn các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh

lực cá nhân được khuyến khích... Xuất hiện nhiều tấm gương đạo đức tốt đẹp, sống lương thiện, đề cao trách nhiệm, lương tâm vì lợi ích chung của cộng đồng, xã hội, đất nước³; mạnh dạn đấu tranh phê phán cái xấu, cái ác; tuyên dương cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Hình thành những giá trị đạo đức, lối sống mới, tốt đẹp phù hợp với xã hội hiện tại; những tiêu chí đánh giá về đạo đức xã hội đã có một số thay đổi theo hướng phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế, những giá trị đạo đức truyền thống vẫn luôn được gìn giữ, phát huy và cho đến hôm nay vẫn tiếp tục trở thành nền tảng của đạo đức mới trong xã hội mới.

- Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030 gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Chương trình xây dựng nông thôn mới” đã có tác động tích cực tới nhận thức và hành động của nhân dân về vai trò, tác dụng của việc duy trì nề nếp, thói quen thường xuyên luyện tập thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc thể lực, cải thiện đời sống tinh thần và phòng chống bệnh tật.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở tiếp tục được phát triển rộng trên tất cả các đối tượng và địa bàn theo hướng xã hội hoá với nhiều hình thức đa dạng. Chất lượng phong trào từng bước được nâng lên, các chỉ tiêu phát triển đều được nâng cao hơn. Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục được mở rộng, thu hút sự tham gia của đông đảo quần chúng, góp phần nâng cao sức khỏe, xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh ở cơ sở. Hoạt động thể dục thể thao của người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm hơn; các phương pháp dưỡng sinh cổ truyền, các trò chơi dân gian và một số môn thể thao dân tộc được khôi phục và phát triển.

- Nhận thức của cộng đồng, trẻ em về vai trò, tác dụng của việc học bơi, học kiến thức kỹ năng phòng chống đuối nước được nâng cao, qua đó các cấp chính quyền, nhà trường, các cơ sở, doanh nghiệp đã đầu tư mạnh hơn cơ sở vật chất, bể bơi và đẩy mạnh phong trào phổ cập bơi cho trẻ em.

- Nguồn lực đầu tư cho văn hóa năm 2022 của các địa phương bước đầu đã có những sự thay đổi tích cực, đặc biệt sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc⁴. Dự toán ngân sách năm 2022 của nhiều tỉnh/thành phố phân bổ ngân sách cho lĩnh vực cho văn hóa, thể thao và du lịch đã đạt tỷ lệ trên 2% tổng chi ngân sách địa phương. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được các địa phương tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đưa vào hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt công năng sử dụng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân⁵.

³ Theo tổng hợp từ các báo cáo địa phương, hiện nay có trên 1.200.000 gương “Người tốt, việc tốt” được suy tôn ở các cấp. Cấp tỉnh trên 249.000 người, cấp huyện trên 239.000 người và cấp xã trên 712.000 người.

⁴ Tỉnh Bắc Giang tăng 12,7%; Tỉnh Hòa Bình, tỉnh Đắk Lắk tăng 17%; Tỉnh Kon Tum tăng 18%; Tỉnh Bến Tre tăng 19%; tỉnh Phú Thọ tăng 29%; Tỉnh Bình Thuận tăng khoảng 44%... Tỉnh Vĩnh Long chỉ 2,78%; tỉnh Lào Cai chỉ 3,33%; tỉnh Ninh Bình dành 4% tổng chi ngân sách địa phương cho lĩnh vực văn hóa

⁵ Thành phố Hà Nội bố trí 15.100 tỷ đồng đầu tư cho văn hóa giai đoạn 2021-2025 (thể thao 610 tỷ, di sản 14.000 tỷ, bảo tàng 400 tỷ). Tỉnh Phú Thọ khởi công xây dựng công trình Nhà văn hóa nghệ thuật tỉnh với mức đầu tư gần 400 tỷ đồng; tỉnh Tiền Giang đầu tư gần 300 tỷ đồng cho thiết chế văn hóa, thể thao như xây dựng Khu thể thao dưới nước, chỉnh trang Khu Di tích Chiến thắng Ấp Bắc.

1.2. Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế so với các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết

- Tác động tiêu cực từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tới lĩnh vực văn hóa; môi trường văn hóa còn diễn biến phức tạp, có biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục, xuống cấp về đạo đức, lối sống.

- Cần xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, bảo tồn và phát huy, giữ gìn và phát triển; bản sắc văn hóa dân tộc có nguy cơ bị phai nhạt, nhất là đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cơ sở vật chất thể dục, thể thao phục vụ cho nhu cầu tập luyện và thi đấu và kinh phí dành cho hoạt động thể dục, thể thao phong trào ở cơ sở còn nhiều hạn chế. Diện tích đất để xây dựng, phát triển các thiết chế thể thao cho thanh, thiếu niên tại một số tỉnh, thành còn thấp. Vấn đề chỗ ở, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao cho thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và học sinh, sinh viên đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh nhưng chưa đều, chất lượng chưa cao nhất là các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; Chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục thể chất trong nhà trường đổi mới còn chậm, chưa lối cuốn, thu hút để hình thành kỹ năng và thói quen thường xuyên vận động phát triển thể chất, rèn luyện ý chí, đạo đức phát triển toàn diện cho học sinh sinh viên.

- Ngành du lịch gần như “đóng băng” trong đại dịch Covid-19, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Khối lượng công việc lớn, nhiều việc khó, phức tạp, nhiều vấn đề phát sinh cần tham mưu đúng, trúng, xử lý kịp thời nhưng đội ngũ cán bộ của Ngành văn hóa có mặt chưa ngang tầm nhiệm vụ, thiếu lực lượng am hiểu sâu sắc về lĩnh vực đồng thời vững về quản lý nhà nước.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch từng bước được quan tâm, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

1.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Việc thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách trong một số trường hợp cụ thể còn chậm; vẫn còn "khoảng trống" trong khung khổ pháp lý để phát triển văn hóa, một số lĩnh vực chưa có Luật hoặc Pháp lệnh điều chỉnh⁶; một số lĩnh vực chưa có văn bản điều chỉnh⁷.

- Sự thiếu hiểu biết về pháp luật, nhận thức của một bộ phận người dân, tác động tiêu cực từ mạng xã hội, sự gấn bó giữa các thành viên trong gia đình...

⁶ Nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm;

⁷ Lĩnh vực văn học; quản lý hoạt động trò chơi;

- Phân bổ nguồn lực (gồm tài chính và nhân lực) cho phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam tại một số chương trình, đề án, địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; năng lực của bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở ở nhiều địa phương thiếu, yếu...

b) Nguyên nhân khách quan:

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, nền kinh tế cả nước trải qua ba giai đoạn cơ bản, đan xen giữa thuận lợi và khó khăn, từ giai đoạn đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh, các địa phương phải thực hiện phong tỏa, cách ly, giãn cách xã hội, tương ứng với đó, hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch gần như đình trệ; tới giai đoạn hai thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch từng bước được khởi động lại; và giai đoạn ba từ tháng 3/2022 tới nay, cả nước bước vào công cuộc phục hồi, phát triển kinh tế xã hội, ngành du lịch chính thức mở cửa lại hoàn toàn thị trường từ ngày 15/3/2022. Bên cạnh đó, những vấn đề an ninh phi truyền thống tác động sâu rộng, đa chiều đến các mặt của đời sống xã hội, nhất là về đạo đức, nhân cách con người.

1.4. Trách nhiệm của người đứng đầu, giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

- Tiếp tục quán triệt, triển khai cụ thể hoá chủ trương của Đảng, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về việc phát triển văn hoá ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; chỉ đạo triển khai có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả những nhiệm vụ của Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

- Chỉ đạo rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực văn hóa nhằm lấp đầy các “khoảng trống về pháp lý” tạo cơ sở, nguồn lực cho phát triển văn hóa.

- Tuyên truyền vai trò gương mẫu của tầng lớp lãnh đạo, quản lý. Người đứng đầu, cán bộ phải là những tấm gương cho cán bộ, công chức, viên chức nhân dân noi theo về thực thi các giá trị chuẩn mực, nói đi đôi với làm, có năng lực, có đạo đức, tri thức, uy tín để quần chúng tôn trọng, tin tưởng.

- Giữ nghiêm kỷ cương và thực hiện chấn chỉnh tình trạng suy thoái đạo đức xã hội theo quy định của Hiến pháp, pháp luật. Đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật, xử lý vi phạm không có “vùng cấm”.

- Tăng cường phát huy vai trò của gia đình trong việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội. Củng cố các giá trị văn hóa gia đình qua nền nếp, gia phong, nếp nhà, qua hành vi, ứng xử, qua tấm gương ông bà, cha mẹ...

- Triển khai hiệu quả Chương trình hành động về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm hình thành những con người Việt Nam phát triển

toàn diện. Phát huy vai trò của nhà trường trong giáo dục, vun đắp các giá trị văn hóa. Kết hợp tốt việc “dạy người” với “dạy chữ” và “dạy nghề”, tập trung xây dựng các giá trị văn hóa cho học sinh, sinh viên và rèn luyện, bồi đắp các giá trị con người ngay từ trong môi trường giáo dục ở các cấp.

- Phát huy vai trò của phản biện xã hội, tăng cường cơ chế dân chủ, người dân được giám sát, phát hiện, phê phán, phản ánh các vụ việc tiêu cực, các cá nhân suy thoái đạo đức để các cấp có thẩm quyền kịp thời xử lý.

- Ban hành Nghị định quy định về khung tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục và hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trong năm 2023; Chỉ đạo tổ chức triển khai hiệu quả Nghị định sau khi được ban hành nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng các danh hiệu thi đua về văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; gắn kết các phong trào thi đua với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành và địa phương, đơn vị.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tập trung triển khai các Chiến lược, Chương trình, Đề án, Kế hoạch phát triển văn hoá, thể thao và du lịch, các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 134. Tập trung nguồn lực để tổ chức thực hiện dứt điểm, đo lường được kết quả, hiệu quả; chống bệnh hình thức, bệnh thành tích, bệnh quan liêu, chủ quan, tự mãn, duy ý chí và các biểu hiện sợ sai, dùn dẩy, né tránh trách nhiệm. Chú trọng các nội dung:

+ Phát triển văn hóa theo quan điểm mà Đảng ta đã đề ra luôn hướng tới sự toàn diện và hài hòa, trong đó nhân tố con người nắm giữ vị trí then chốt, đội ngũ văn nghệ sĩ giữ vai trò quan trọng.

+ Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo đảm mọi thành viên của cộng đồng được phát triển các năng lực sáng tạo. Tập trung ưu tiên xây dựng văn hóa trong từng gia đình, cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, văn hóa doanh nghiệp và mỗi gia đình, mỗi cơ quan, doanh nghiệp là những đơn vị văn hóa thực chất. Đề cao ý thức thượng tôn pháp luật và trách nhiệm đối với xã hội của các doanh nghiệp.

+ Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Sự hoàn thiện con người cần và chỉ có thể thực hiện được trong văn hóa và bằng văn hóa, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Tổ chức các hoạt động nghệ thuật biểu diễn “phong phú về loại hình - đặc sắc về nội dung - đa dạng về hình thức” đáp ứng nhiệm vụ chính trị, nhu cầu thụ hưởng văn hoá của nhân dân.

+ Thực hiện hiệu quả Đề án “Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 08/7/2016) và Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030” (Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 19/7/2016).

- Tiếp tục chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố phối hợp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đặc biệt là văn hóa cơ sở, cụ thể:

+ Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình, xã hội; Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với người cao tuổi.

+ Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình thiết thực, hiệu quả; xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao của công chức, viên chức, công nhân lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác xây dựng các mô hình về giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các vùng, miền, dân tộc, gắn với phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, tạo sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

- Chỉ đạo triển khai Bộ tiêu chí về xây dựng môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống với mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lễ hội văn minh, lành mạnh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc và lan tỏa trong đời sống xã hội; từng bước loại bỏ những hủ tục, tập tục, tập quán lạc hậu.

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các biện pháp tuyên truyền, giáo dục về các giá trị văn hóa, chuẩn mực của con người, gia đình, dòng họ, làng xã, nhà trường, cộng đồng, xã hội. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan thông tấn, báo chí, đài phát thanh - truyền hình; đẩy mạnh nhiều hình thức phong phú, linh hoạt, đặc biệt cần tận dụng ưu thế, sức lan tỏa của các phương tiện truyền thông mới trong thời đại Internet.

2. Ban hành chính sách đặc thù, thu hút đầu tư cho các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Kết quả đạt được

a) Các biện pháp, giải pháp đã được triển khai thực hiện:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện nhất quán trong các cơ quan thuộc Chính phủ tới chính quyền địa phương các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đã được phê duyệt.

- Đảm bảo mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số theo các giai đoạn đã đề ra theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

b) Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp:

- Tích cực, kịp thời triển khai xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết của Quốc hội.

- Tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

c) Kết quả đạt được cụ thể:

* Về ban hành văn bản pháp luật phục vụ chỉ đạo, điều hành

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trong đó giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thực hiện Dự án số 06 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” với 19 nhiệm vụ⁸.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, ban hành theo thẩm quyền:

+ Hướng dẫn thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 nhằm mục tiêu khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao

⁸ (1) Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người; (2) Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; (3) Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; (4) Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận; (5) Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; (6) Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị khác văn hóa khác); (7) Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản trong đồng); (8) Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư; (9) Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống; (10) Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu; (11) Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số; (12) Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; (13) Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số; (14) Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (15) Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; (16) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (17) Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; (18) Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (19) Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

+ Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư số 15/2022/BTC ngày 04/3/2022 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

+ Quyết định số 694/QĐ-BVHTTDL ngày 25/4/2022 ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

* Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ:

- Đến nay, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 đang được triển khai rộng khắp trên cả nước trên nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, bản khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo. Đồng thời, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Dự án phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung thực hiện nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia được giao. Việc kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương tới các địa phương đã tháo gỡ được những khó khăn vướng mắc trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện tại cơ sở.

- Công tác tuyên truyền được triển khai rộng rãi bằng nhiều hình thức, do đó chương trình mục tiêu quốc gia được các cấp, các ngành và dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, tích cực vào cuộc để tổ chức triển khai thực hiện.

- Hiện tại, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc⁹.

⁹ Xây dựng 02 Thông tư: Thông tư quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo tồn, phục dựng, tái hiện và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; sưu tầm, bảo quản, trưng bày giới thiệu các tài liệu, hiện vật văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc Việt Nam; bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một và Thông tư quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật, ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt

- Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

Tại Trung ương:

Phân bổ, giao dự toán và tiến độ giải ngân kinh phí từ ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025:

(i) Về phân bổ, giao dự toán kinh phí: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 1513/QĐ-BVHTTDL ngày 30/6/2022 về việc giao dự toán kinh phí từ ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của Bộ. Theo đó, năm 2022, tổng số kinh phí đã giao để triển khai Dự án 6 và Dự án 10 là 27.790 triệu đồng.

(ii) Về tỷ lệ, tiến độ giải ngân kinh phí được giao: Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến hết năm 2022 đạt 28,9%.

(iii) Về phân bổ, giao dự toán kinh phí năm 2023: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3885/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2022 về việc giao dự toán kinh phí từ ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của Bộ VHTTDL. Theo đó, năm 2023, tổng số kinh phí đã giao để triển khai Dự án 6 và Dự án 10 là 77.175 triệu đồng.

Kết quả triển khai các nhiệm vụ thành phần thuộc Dự án 6 năm 2022:

(1) Triển khai thực hiện công tác bảo tồn các lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số¹⁰.

(2) Hoàn thiện việc tổ chức xây dựng mô hình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch¹¹.

khó khăn tại xã đảo, huyện đảo.

¹⁰ Thị xã Sa Pa (Lào Cai), huyện Ngọc Lặc (Thanh Hóa), huyện Quang Bình (Hà Giang), huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

¹¹ (1) Mô hình bảo tồn, phát huy dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống các dân tộc tại huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; (2) Mô hình bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật Nhạc trống lớn dân tộc Kh'mer, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; mô hình "Sinh hoạt Câu lạc bộ dân ca, dân vũ dân tộc Tày - Nùng gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống" trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; mô hình "Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái trong xây dựng thôn, bản văn hóa" trên địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (3) Mô hình kết nối di sản văn hóa phi vật thể "Lễ mừng cơm mới/lúa mới của người Bru Vân Kiều" trong hành trình du lịch di sản Quảng Bình - Quảng Trị; mô hình kết nối di sản văn hóa phi vật thể "Nghề dệt thổ cẩm của người Cơ Tu" trong hành trình du lịch di sản Quảng Nam - Đà Nẵng; mô hình kết nối di sản văn hóa phi vật thể "Nghệ thuật Khèn của người Mông" trong hành trình du lịch di sản Hà Giang - Lào Cai; (4) Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho 31 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số của 06 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái và Sơn La.

Tại địa phương:

Kết quả thực hiện, tiến độ, khối lượng giải ngân: Tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án 6 từ năm 2021-2023 là 1.153,053 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 737, 529 tỷ đồng và vốn sự nghiệp là 415,524 tỷ đồng. Theo báo cáo của 33/42 địa phương, tính đến ngày 30/6/2023, kinh phí giải ngân của chương trình là 103,857 tỷ đồng trong đó 49,557 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 54,3 tỷ đồng vốn sự nghiệp (đạt 9%).

2.2. Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế so với các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết

- Năm 2022 là năm đầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Dự án 6, thời gian thực hiện tập trung vào 6 tháng cuối năm, ngoài yêu cầu tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, định mức của một số nhiệm vụ chưa được thống nhất, quy trình thực hiện qua nhiều bước, có ảnh hưởng đến tiến độ và thời gian triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022. Công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện ở một số Bộ, ngành, địa phương còn chậm.

- Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, việc lập kế hoạch là cho cả giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên, việc lập kế hoạch phải tổng hợp từ cấp xã, cấp huyện; trên thực tế một số địa phương có số lượng các huyện, các xã tham gia các chương trình rất lớn, công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch ở cấp huyện, cấp xã còn gặp nhiều lúng túng, nhất là khu vực miền núi nên ảnh hưởng đến tiến độ, quá trình lập kế hoạch.

- Một số địa phương chưa thống nhất cách hiểu và cách áp dụng Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, dẫn đến sự lúng túng, không thống nhất trong xây dựng định mức, phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ thành phần của Dự án 6.

2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Để triển khai hiệu quả, thực chất các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 đòi hỏi nghiên cứu, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, quy định của pháp luật có những nội dung chưa được quy định rõ, hoặc chưa thống nhất giữa các Luật, Nghị định, việc lựa chọn dự án tại một số địa phương còn chưa tập trung, có sự dàn trải, thủ tục đầu tư dự án chiếm nhiều thời gian, do đó dẫn tới những sự chậm trễ nhất định so với Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu đã đề ra.

2.4. Trách nhiệm của người đứng đầu, giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo nghị quyết

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành và các địa phương liên quan:

- Chủ động, kịp thời xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Dự án 6; việc xây dựng kế hoạch cần phù hợp với nguồn kinh phí phân bổ, chỉ tiêu nhiệm vụ của cả giai đoạn 2021-2025 và tình hình thực tế của địa phương theo thứ tự ưu tiên triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đúng trọng tâm, trọng điểm.

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kịp thời các văn bản không còn phù hợp nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chính sách hỗ trợ triển khai trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vận động nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia tổ chức thực hiện Đề án tổng thể và các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn tại địa phương.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành chủ trì thực hiện dự án trong công tác phối hợp rà soát khó khăn, vướng mắc, tồn tại theo phản ánh từ cấp cơ sở để kịp thời tham mưu Chính phủ chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ theo quy định.

- Tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá quá trình triển khai thực hiện chương trình nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu để kịp thời giải quyết, xử lý, khắc phục những hạn chế, sai sót, vướng mắc trong quá trình thực hiện, có biện pháp xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

+ Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Dự án 6 trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, đột xuất; chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các sở, ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Dự án 6 theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

+ Tại các địa phương tự chủ về ngân sách, đề nghị quan tâm bố trí nguồn lực của địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Dự án 6 phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình.

3. Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể có giá trị

3.1. Kết quả đạt được

a) Các biện pháp, giải pháp đã được triển khai thực hiện:

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản, đề án lĩnh vực di sản văn hóa.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo vệ, khai thác và phát huy bền vững giá trị của các di sản văn hóa.

b) Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp:

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản, đề án nhằm cụ thể hóa các nội dung về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về di sản văn hoá; Thực hiện nghiêm túc các cam kết với UNESCO đối với các di sản văn hóa đã được ghi danh, xử lý hài hoà giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc, di sản văn hóa thiên nhiên gắn với phát triển du lịch bền vững. Giữ gìn, bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc, các giá trị văn hóa tốt đẹp trong tín ngưỡng, tôn giáo.

- Điều tra, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc; kiểm tra, xếp hạng các di tích làm cơ sở để bảo tồn, khai thác giá trị của di sản.

c) Kết quả đạt được cụ thể:

- * Về ban hành văn bản pháp luật phục vụ chỉ đạo, điều hành:

- Trình Quốc hội ban hành Nghị quyết đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

- Ban hành Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành đã Quyết định phê duyệt 02 Chương trình: Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hoá Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021); Chương trình số hoá Di sản văn hoá Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021).

- Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền các văn bản liên quan đến công tác quản lý nhà nước về di sản văn hoá¹².

- * Về từng nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu:

- Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa:

¹² Các văn bản chỉ đạo điều hành như Thông tư số 18/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; Ký kết Chương trình phối hợp công tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên thông qua các di tích, di sản văn hóa phi vật thể và bảo tàng giai đoạn 2021 - 2026.

+ Tính từ tháng 11/2020 đến nay, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã đưa 02 di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam (Nghệ thuật Xòe Thái; Nghệ thuật làm Gốm của người Chăm) vào các Danh sách di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO; Ủy ban Chương trình Ký ức Thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO (MOWCAP) đã ghi danh 02 di sản tư liệu tiêu biểu của Việt Nam (Bia Ma nhai tại danh thắng Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng; Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu, Hà Tĩnh (1689-1943)) là Di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

+ Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng 17 di tích quốc gia đặc biệt và công nhận 74 hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia đồng thời chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp, hướng dẫn các địa phương lập, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 07 Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt; 19 Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt.

+ Chỉ đạo triển khai Dự án Mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng; Dự án Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

- Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực di sản văn hóa:

+ Chỉ đạo hội hương ân vàng “Hoàng đế chi bảo”.

+ Việt Nam đã trúng cử thành viên Ủy ban liên Chính phủ Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (Công ước 2003) nhiệm kỳ 2022-2026. Tham gia các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến của UNESCO; Tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 20 năm Công ước 2003. Hoàn thành 02 báo cáo định kỳ quốc gia gửi UNESCO: Báo cáo định kỳ vòng 3 khu vực Châu Á - Thái Bình Dương 2020 - 2021 thực hiện Công ước Di sản Thế giới và Báo cáo định kỳ quốc gia về tình trạng di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp Hát Ca trù.

+ Chấp thuận để các địa phương đủ điều kiện tiếp tục xây dựng hồ sơ trình UNESCO ghi danh là di sản thế giới¹³; xây dựng hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đệ trình UNESCO đối với các di sản văn hóa phi vật thể: Mo Mường (Hòa Bình), Nghệ thuật Chèo đồng bằng sông Hồng (Thái Bình), Võ cổ truyền Bình Định (Bình Định) và Lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang).

- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực di sản văn hóa:

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực được Chính phủ phân bổ, điều kiện thực tiễn để tổ chức các hội thảo, các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngành di sản văn hóa hàng năm cho đội ngũ làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các lĩnh vực bảo tàng, di tích, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu; tổ chức tập huấn công tác bảo vệ và phát huy

¹³ Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà, Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh), Khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê (An Giang), Hang Con Moong (Thanh Hóa).

giá trị di sản văn hóa cho các đối tượng là cán bộ quản lý, chuyên môn hoạt động trên địa bàn các tỉnh/thành phố.

- Công tác thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực di sản văn hóa:

Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực di sản văn hóa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia; ứng dụng các Hệ thống thông tin quản lý bảo tàng, Hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể, hệ thống thông tin quản lý di tích và Phần mềm quản lý hiện vật để xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa.

3.2. Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế so với các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết

- Vấn đề xâm hại di tích, vi phạm trong hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích tuy không còn những vi phạm lớn nhưng vẫn còn xảy ra; thực hiện dự án tu bổ khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, không đúng với nội dung được thẩm định... nhất là ở những di tích tu bổ từ nguồn vốn xã hội hóa.

- Nhiều di tích đang xuống cấp (đặc biệt là những di tích không có nguồn thu từ bán vé tham quan và nguồn công đức) nhưng chưa được tu bổ.

- Công tác xã hội hóa trong việc tu bổ, tôn tạo di tích đạt hiệu quả chưa cao; công tác tuyên truyền, vận động người dân trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa chưa được triển khai thực hiện một cách sâu rộng.

- Công tác tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể chưa thực sự được quan tâm nên nhiều bài bản cổ và hình thức trình diễn, kỹ năng thực hành di sản mai một dần mà chưa kịp ghi, thu lại; việc cập nhật thực trạng di sản sau khi được ghi danh còn chậm, không đầy đủ.

- Ở một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể, thế hệ các nghệ nhân cao tuổi ngày một già yếu mà chưa tìm được lớp người kế cận; nhiều địa phương còn khó khăn và chưa có chính sách hỗ trợ truyền dạy, đãi ngộ thường xuyên đối với nghệ nhân, để nghệ nhân thực sự yên tâm thực hành nghề.

- Nhiều địa phương chưa quan tâm đầu tư cho hoạt động bảo tàng. Việc tổ chức hoạt động dịch vụ của bảo tàng dù đã có trong quy định của pháp luật về di sản văn hóa nhưng vẫn vướng mắc trong triển khai do các quy định pháp luật khác có liên quan (Quản lý tài sản công, thuế).

- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt ở vùng các dân tộc thiểu số mới được triển khai ở một số loại hình, có nhiều nội dung chưa được triển khai thực hiện do chưa bố trí được nguồn kinh phí thực hiện; ý thức của cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ ngày càng xa rời, ít quan tâm đến việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, trong khi đó lực lượng nắm giữ các giá trị văn hóa truyền phần lớn là những người cao tuổi, ngày càng ít dần dẫn đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng nguồn nhân lực cán bộ quản lý văn hóa ở cơ sở, nhất là cán bộ cấp huyện, cấp xã chưa cao, do phần lớn cán bộ làm công tác văn hóa được luân chuyển từ các ngành khác sang, không đúng với chuyên môn được đào tạo.

- Về mức độ và phạm vi mai một văn hóa của một số tộc người:

Khoản 5, Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định: “Dân tộc thiểu số rất ít người” là dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Đây là những dân tộc thiểu số có mức độ và phạm vi mai một văn hóa truyền thống rất cao.

Hiện Việt Nam có 14 dân tộc thiểu số rất ít người¹⁴, trong đó có 05 dân tộc thiểu số có số dân dưới 1.000 người¹⁵. Phần lớn các dân tộc thiểu số cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, có khó khăn đặc thù, biên giới hải đảo; đời sống vật chất còn nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng chưa phát triển, cũ; chất lượng các dịch vụ thấp, thiếu thốn; lối cư trú không tập trung (ở nhiều địa phương khác nhau, thậm chí ở nước ngoài như: Chứt, Lô Lô, Bố Y, Công, Ngái..., hay cư trú xen kẽ với các dân tộc khác - dân tộc có số dân lớn hơn) khiến các dân tộc này có xu hướng bị hòa nhập và tiếp nhận ồ ạt nhiều nét văn hóa của các dân tộc khác có số dân lớn hơn.

So với các dân tộc thiểu số khác, mức độ mai một giá trị văn hóa truyền thống ở các dân tộc có số dân dưới 1.000 người cao hơn. Những dân tộc thiểu số này còn lưu giữ được ít phong tục, tập quán độc đáo. Do điều kiện sống của đồng bào các dân tộc này còn quá nhiều khó khăn, năng lực tự bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống rất hạn chế nên nguy cơ mai một văn hóa truyền thống nghiêm trọng. Tỷ lệ đồng bào ở nhà truyền thống của các dân tộc này rất thấp như dân tộc Brâu (1,5%) và Rơ Măm (1,5%). Bên cạnh đó, ngôn ngữ, chữ viết; bài hát, điệu múa truyền thống; nhạc cụ truyền thống; trang phục truyền thống, nghề thủ công truyền thống cũng đang bị thất truyền. Theo kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2019, có 5,5% dân tộc thiểu số biết sử dụng nhạc cụ truyền thống, trong đó có dân tộc như Chứt, Si La, Ngái chỉ còn dưới 10 người biết sử dụng nhạc cụ truyền thống; có 13% người dân tộc thiểu số biết múa điệu múa truyền thống của dân tộc mình; có 13,6% người dân tộc thiểu số biết hát bài hát truyền thống, trong đó dân tộc Ngái cũng chỉ còn dưới 10 người biết hát bài hát truyền thống... Thực trạng này đã phản ánh rõ sự mai một văn hóa truyền thống ở các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay.

Nguy cơ mai một văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc có số dân dưới 10.000 người nói riêng đang đặt ra những thách thức rất lớn đối với công tác quản lý nhà nước về bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

¹⁴ Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Páo, Si La, Công, Bố Y, Cơ Lao, Mảng, Lô Lô, Chứt, Lự, Pà Thẻn, Ngái.

¹⁵ Si La (909 người, cư trú chủ yếu ở Lai Châu, Điện Biên), Pu Páo (903 người, cư trú chủ yếu ở Hà Giang), Rơ Măm (639 người, cư trú chủ yếu ở Kon Tum), Brâu (525 người, cư trú chủ yếu ở Kon Tum) và Ô Đu (428 người, cư trú chủ yếu ở Nghệ An) – Theo Thống kê của Ủy ban Dân tộc.

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa có các quy định pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về di sản tư liệu do nội dung này chưa được bổ sung vào Luật Di sản văn hoá và các văn bản pháp lý liên quan.

- Việc tuyên truyền, quảng bá và xây dựng các sản phẩm du lịch gắn trực tiếp với từng di tích, thể hiện và phát huy được nét đặc thù của địa phương ở một số di tích chưa đạt hiệu quả cao. Công tác truyền thông, xúc tiến du lịch và tổ chức các hoạt động dịch vụ tại một số di tích còn hạn chế, ảnh hưởng đến thương hiệu và sức thu hút khách tham quan.

- Nguồn lực đầu tư cho tu bổ, giữ gìn di sản văn hóa còn hạn chế. Việc huy động các nguồn lực tham gia vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đầu tư tu bổ di tích chưa hiệu quả. Việc bố trí kinh phí cho các hoạt động chuyên môn kiểm kê, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể còn thấp. Thiếu cơ chế quy định tổ chức và trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá; kinh phí đầu tư chậm chưa đồng bộ ảnh hưởng đến việc hoàn thiện quy trình tổ chức, số hoá và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Chất lượng và trình độ nguồn nhân lực trực tiếp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa đồng đều, chưa am hiểu về di sản văn hóa, có phần chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn.

b) Nguyên nhân khách quan:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên số lượng khách tham quan các bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên cả nước sụt giảm. Vì vậy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác tuyên truyền quảng bá di sản văn hóa, gây thất thu lớn cho ngân sách các địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng người dân địa phương; kéo theo đó là sự ảnh hưởng đến nguồn kinh phí cho công tác tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; kinh phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, hiệu quả đầu tư chưa cao.

- Do mặt trái của quá trình toàn cầu hóa đã tác động mạnh mẽ làm biến đổi các mặt của đời sống văn hóa, phong tục, tập quán của người dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc đang bị biến đổi, mai một, mất hẳn như: ngôn ngữ, tiếng nói, trang phục, nghề thủ công truyền thống và một số phong tục, tập quán...

- Nhận thức của toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng và giá trị di sản còn chưa đầy đủ, nhận thức về di sản văn hóa phi vật thể chưa tương xứng với vai trò và vị trí của di sản trong đời sống xã hội, chưa coi việc bảo tồn di sản văn hóa là mục tiêu và động lực phát triển bền vững kinh tế xã hội, chưa chú trọng ưu tiên cho việc bảo tồn, giữ gìn di sản.

3.4. Trách nhiệm của người đứng đầu, giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Đề án “Xây dựng, tổ chức và nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa cơ sở giai đoạn 2021-2025”.

- Chỉ đạo công tác nghiên cứu, sửa đổi bổ sung các quy định trong Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn liên quan theo hướng: Bổ sung các nhóm quy định về chuyên môn trong hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa; quy định rõ nội dung, cơ chế, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương; quy định về việc thu hút các nguồn lực cho công tác bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mở rộng chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân nhằm tạo điều kiện nhiều hơn nữa để nghệ nhân trao truyền kỹ năng, bí quyết. Tạo điều kiện để chủ thể văn hóa được phát huy vai trò và tính chủ động để di sản văn hóa phi vật thể được giới thiệu, tôn vinh, chủ thể văn hóa được giao lưu, học hỏi với bạn bè quốc tế, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về di sản văn hóa; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa; ngăn chặn và xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại di tích trong việc thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội tại các khu di sản.

- Quan tâm tới đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ di sản văn hóa và lực lượng hướng dẫn viên du lịch có chuyên môn, nghiệp vụ và hiểu biết sâu về di sản; nâng cao trình độ công nghệ thông tin để ứng dụng một cách phù hợp công nghệ thông tin, truyền thông trong quảng bá ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa trong nước và quốc tế.

4. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hành nghề mê tín dị đoan thu lợi bất chính

4.1. Kết quả đạt được:

a) Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành:

+ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

+ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”;

+ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021, trong đó có một số hành vi vi phạm tín ngưỡng, tôn giáo được quy định tại điểm b khoản 4 và điểm đ khoản 7 Điều 14, điểm c khoản 6 Điều 20.

+ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh...

+ Đối với hoạt động lễ hội, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý và tổ chức lễ hội, chấn chỉnh những sai phạm, tiêu cực.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Thực hiện quản lý Nhà nước về lễ hội tín ngưỡng và cơ sở tín ngưỡng là di tích đã được xếp hạng, đã được kiểm kê theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

+ Hướng dẫn các địa phương tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm, đảm bảo môi trường văn hoá lành mạnh trong dịp lễ Tết cũng như trong hoạt động thường ngày.

+ Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản quản lý kịp thời gửi các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch tại lễ hội, các điểm di tích lịch sử văn hoá, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Chỉ thị số 274/CT- BVHTTDL ngày 23/9/2022 về tăng cường quản lý nhà nước đối với một số hoạt động văn hóa nghệ thuật, lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, phục hồi và phát triển du lịch với những giải pháp như quán triệt, nâng cao nhận thức về quản lý Nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; rà soát và thẩm định chặt chẽ các giấy phép, hồ sơ; tăng cường công tác thanh, kiểm tra...

b) Về các kết quả đạt được:

- Căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương đã ban hành các Kế hoạch thanh tra, trong đó tập trung thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về công tác quản lý và tổ chức lễ hội; công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; yêu cầu các Ban quản lý di tích tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về giá trị của di tích, bổ sung nội quy, quy định thực hiện nếp sống văn minh, không hành nghề mê tín dị đoan, gắn phát huy giá trị di tích với phát triển du lịch; bảo vệ di vật, cổ vật, không tiếp nhận hiện vật không rõ nguồn gốc không có trong

danh mục hồ sơ xếp hạng di tích; thực hiện nghiêm túc về việc đặt hòm công đức...¹⁶

- Trong những năm qua, sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, tín ngưỡng tại di tích, lễ hội, hiện tượng mê tín dị đoan được quản lý, những tiêu cực trong lễ hội tại các di tích đã chuyển biến rõ rệt. Các địa phương nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình, nghiêm túc thực hiện Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 28/8/2018 của Chính phủ về quản lý và tổ chức lễ hội.

4.2. Tôn tại, hạn chế:

- Tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế làm xuất hiện tâm lý thực dụng và cá nhân cực đoan, ích kỷ, xem nhẹ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn hạn chế so với yêu cầu nhiệm vụ. Hệ thống thiết chế văn hóa hiện có tại một số địa phương, từ cấp tỉnh đến cơ sở, thiếu kinh phí hoạt động, hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Trong thời đại công nghệ 4.0 phát triển như hiện nay, trên mạng xã hội internet, facebook, zalo, youtube xuất hiện tình trạng bói toán, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hành nghề mê tín dị đoan thu lợi bất chính hoặc cơ sở thờ tự của tư gia hay cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo không nằm trong hệ thống di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo đòi hỏi phương pháp quản lý cũng cần có sự mở rộng hơn cho phù hợp, đồng thời cũng cần có sự phối hợp tích cực chặt chẽ giữa các Bộ, ngành để nâng cao hiệu quả quản lý đi cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý hoạt động văn hoá trên không gian mạng.

4.3. Trách nhiệm của người đứng đầu, giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết:

- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về các hoạt động văn hóa, thể thao, di sản, lễ hội.

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt của các cán bộ lãnh đạo, chức sắc tôn giáo về vai trò, vị trí của tôn giáo trong sự phát triển đất nước và tuyên truyền việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tiếp tục chỉ đạo tăng cường phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 28/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

¹⁶ Từ năm 2020 đến nay kiểm tra 692 di tích, lễ hội. Qua công tác thanh tra, công tác quản lý lễ hội, di tích lịch sử đã chấn chỉnh kịp thời các vi phạm như tiếp nhận hiện vật (linh vật, đồ thờ cúng) không nằm trong hồ sơ xếp hạng di tích; thu giữ 160 quyển sách bói toán, 7.231 thẻ từ vi. Cùng với thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch là hoạt động thanh tra đột xuất, được tiến hành khi phát hiện có hành vi vi phạm để chấn chỉnh, xử lý kịp thời.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương liên quan tăng cường phối hợp trong hoạt động và tuyên truyền trong việc xử lý những vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng để có phát ngôn, hành động, tuyên truyền thống nhất, kịp thời, thuyết phục, tránh những thông tin thất thiệt, lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng.

5. Thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam

5.1. Kết quả đạt được:

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản:

- Quyết định 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 phê duyệt Đề án “Kế hoạch Cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”;

- Nghị định số 30/2022/NĐ-CP ngày 19/5/2022 về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia;

- Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều trong Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực du lịch, thể thao, quyền tác giả, quyền liên quan;

- Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững.

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động, tích cực nghiên cứu và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, chiến lược của Chính phủ ban hành nhằm thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam; xây dựng và ban hành theo thẩm quyền Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Thông tư số 15/2022/TT-BVHTTDL ngày 20/12/2022), Văn bản hợp nhất về Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch (Văn bản số 4634/VBHN-BVHTTDL ngày 13/12/2021)...

Với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự chủ động, nỗ lực, phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ban, ngành và địa phương; sự chung tay, ủng hộ của các hội, hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch và của toàn thể nhân dân trong cả nước, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và 2021 nhưng ngành du lịch trong thời gian vừa qua đã và đang từng bước được triển khai tái cơ cấu hiệu quả, từ đó

nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam, thúc đẩy quá trình phục hồi và phát triển hiệu quả, bền vững.

- Về sản phẩm dịch vụ du lịch: Thúc đẩy các địa phương, doanh nghiệp tăng cường hoạt động nghiên cứu, phát triển và làm mới loại hình dịch vụ du lịch đa dạng, độc đáo trên cơ sở tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, gắn với phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc, gắn với cảnh quan nông thôn, văn hóa cộng đồng, đáp ứng nhu cầu thị yếu và các xu thế mới của khách du lịch như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch nông nghiệp, du lịch ẩm thực... Cùng đó, nâng cao khả năng cạnh tranh về giá cả và chất lượng dịch vụ.

- Về thị trường khách du lịch: Từng bước triển khai hiệu quả các giải pháp thúc đẩy phát triển nhanh thị trường du lịch nội địa, tạo nền tảng cho tăng trưởng bứt phá trong ngắn hạn. Đa dạng hóa, khai thác hiệu quả các thị trường nguồn khách quốc tế lớn, chú trọng thị trường có tiềm năng khai thác, có khả năng chi trả cao, nghỉ dưỡng dài ngày, phát triển phân khúc khách theo các sản phẩm chuyên đề mà Việt Nam có thế mạnh; tăng cường nghiên cứu, nắm bắt những xu hướng du lịch mới và đưa ra các chính sách kịp thời, phù hợp.

- Về hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch: Tập trung tổ chức quảng bá, xúc tiến du lịch Việt Nam tại các thị trường gửi khách lớn, các thị trường có tiềm năng khai thác theo hướng trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với định hướng phát triển sản phẩm, thương hiệu du lịch Việt Nam.

- Về cơ cấu nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch: Đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực du lịch hướng tới mục tiêu đủ số lượng, cân đối cơ cấu ngành nghề, bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phù hợp với các định hướng phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch, tổ chức không gian.

- Về chuyển đổi số trong ngành du lịch: Thúc đẩy việc phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, các nền tảng số kết nối liên thông hệ thống thông tin du lịch với các ngành liên quan phục vụ công tác thống kê du lịch, hoạch định chính sách, điều hành, quản lý và phục vụ doanh nghiệp, khách du lịch trong nước và quốc tế.

Một số kết quả đáng được ghi nhận như:

- Chỉ số năng lực phát triển du lịch của Việt Nam năm 2021 xếp thứ 52/117 nền kinh tế, tăng 8 bậc so với năm 2019 (theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh du lịch và lữ hành năm 2021 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới). Đây là mức tăng cao thứ 3 thế giới, sau Indonesia (tăng 12 bậc) và Ả rập Xê út (tăng 10 bậc).

- Liên tiếp nhận nhiều giải thưởng danh giá và những đánh giá, xếp hạng cao của các tổ chức quốc tế. Trong đó Việt Nam đạt giải thưởng điểm đến di sản hàng đầu thế giới năm 2019, 2020, 2022; Điểm đến Golf tốt nhất thế giới năm 2019, 2021; Điểm đến hàng đầu Châu Á năm 2018, 2019, 2021, 2022; Điểm đến du lịch bền vững hàng đầu Châu Á năm 2021; Điểm đến Văn hóa hàng đầu Châu Á năm 2019, 2020, 2022; Điểm đến ẩm thực hàng đầu Châu Á năm 2019, 2020; Điểm đến Du thuyền trên sông tốt nhất Châu Á năm 2019, 2021; có giải thưởng

cơ quan quản lý du lịch hàng đầu châu Á năm 2017, năm 2021, năm 2022 để vinh danh Tổng cục Du lịch của Việt Nam...

- Năm 2022, số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt 3,66 triệu lượt khách, số lượng khách nội địa đạt 101,3 triệu lượt khách, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 495 nghìn tỷ đồng. Trong 09 tháng đầu năm 2023, Việt Nam đã đón và phục vụ 8.9 triệu lượt khách quốc tế (đạt khoảng 111% Kế hoạch năm đề ra), 93.5 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 536,5 nghìn tỷ đồng.

5.2. Tồn tại, hạn chế:

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, việc phối hợp của các Bộ, ban, ngành và địa phương còn xuất hiện tình trạng chưa được thống nhất, thiếu tính nhất quán và toàn diện.

- Cơ sở dữ liệu của ngành du lịch hiện đang trong quá trình đầu tư, xây dựng, chưa hoàn thiện;

- Sự liên kết, hợp tác cùng phát triển du lịch giữa các vùng, địa phương hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế.

- Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Công tác quản lý điểm đến tại các địa phương còn một số hạn chế, tồn tại (ô nhiễm môi trường, tình trạng “chật”, “chém” du khách...).

5.3. Trách nhiệm của người đứng đầu, giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết:

- Chỉ đạo triển khai nghiêm túc, hiệu quả các Nghị quyết, chiến lược, đề án đã được Chính phủ phê duyệt như Nghị quyết số 82/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững;

- Chỉ đạo các Bộ, ngành:

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia.

+ Xây dựng Chương trình hành động du lịch xanh giai đoạn 2023- 2025 và các năm tiếp theo;

+ Nghiên cứu ban hành chính sách về an sinh xã hội; chính sách về đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, thành lập Hội đồng chứng nhận nghề du lịch.

+ Chỉ đạo rà soát, kiến nghị các chính sách tài chính, thuế, hải quan để hỗ trợ doanh nghiệp du lịch, nâng cao năng lực, thu hút khách du lịch quốc tế.

+ Triển khai các giải pháp thúc đẩy khai thác mở rộng các đường bay quốc tế đến Việt Nam; tăng thu hút khách du lịch quốc tế thông qua các phương thức vận tải quốc tế như đường không, đường biển.

+ Phát huy vai trò cầu nối, nâng cao vai trò của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong xúc tiến quảng bá du lịch, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách quốc tế đến Việt Nam.

5.4. Đề xuất, kiến nghị:

- Xem xét, sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng đưa du lịch thành ngành nghề ưu đãi, khuyến khích đầu tư cũng như là lĩnh vực được triển khai phương thức đầu tư đối tác công tư.

- Xem xét, sửa đổi Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (2017) và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để tạo điều kiện thành lập Văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam tại nước ngoài.

6. Ban hành hướng dẫn về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia

Triển khai nhiệm vụ “Ban hành hướng dẫn về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia” tại Nghị quyết số 134, ngày 19/5/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2022/NĐ-CP quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia. Nghị định được ban hành đã tạo sự thống nhất trong công tác quản lý khu du lịch quốc gia và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các địa phương, Ban quản lý tại các khu du lịch quốc gia trong thời gian qua.

7. Ban hành hướng dẫn về mô hình quản lý di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương kiện toàn bộ máy quản lý di tích đảm bảo tinh gọn, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ di tích, chấm dứt tình trạng không có hoặc không rõ người chịu trách nhiệm bảo vệ, trông nom di tích, trong đó quy định “Đối với các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, cần nghiên cứu lộ trình nâng cấp bộ máy hiện nay trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đối với các di tích quốc gia đặc biệt, cần căn cứ điều kiện từng địa phương, phạm vi và quy mô di tích, Ban quản lý di tích cần trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp di tích quốc gia đặc biệt là di tích tôn giáo tín ngưỡng do cộng đồng địa phương có di tích quản lý thì chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ tham gia ban quản lý di tích”.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới ở Việt Nam. Trong đó, nội dung Điều 15 và 16 đã quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các Ban quản lý di sản thế giới.

Để thống nhất quản lý di sản văn hóa nói chung và di tích nói riêng, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hiện nay, 08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam đã thành lập Ban/Trung tâm quản lý di tích¹⁷. Để trực tiếp quản lý di tích, sau khi di tích được xếp hạng, các địa phương trên cả nước đều đã ban hành quy định phân cấp quản lý các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt cho các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh, thành phố để trực tiếp làm nhiệm vụ trông nom, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Nhiều di tích quốc gia đặc biệt cũng đã thành lập các Ban quản lý di tích¹⁸.

Trong thời gian tới, trên cơ sở đề xuất của các địa phương và thực tiễn hoạt động của mô hình Ban quản lý di tích, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cấp sửa đổi bổ sung các quy định về mô hình ban quản lý di tích trong dự thảo Luật Di sản văn hóa sửa đổi, bổ sung theo hướng: Bổ sung những quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các ban quản lý di tích.

8. Triển khai, thực hiện các nhiệm vụ lập quy hoạch về bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới

8.1. Kết quả đạt được

- Theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009, Luật Quy hoạch năm 2017, Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là quy hoạch có tính chất chuyên ngành. Theo đó, việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt ngày càng được địa phương chú trọng, đảm bảo thực hiện.

- Để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Trong đó có nội dung quy định về chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và đánh giá quy hoạch di tích, qua đó tạo điều kiện cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các địa phương hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ lập Quy hoạch, Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích, danh lam thắng cảnh đặc biệt cấp quốc gia trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; đồng thời tiếp tục hướng

¹⁷ Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, Ban Quản lý quần thể danh thắng Tràng An, Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Trung tâm bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội, Ban Quản lý Di tích và du lịch Mỹ Sơn, Trung tâm Bảo tồn di sản thành Nhà Hồ, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

¹⁸ Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Ban Quản lý di tích tỉnh Điện Biên, Ban Quản lý di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Ban Quản lý di tích văn hóa Ốc Eo, Trung tâm bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo, Ban Quản lý vườn quốc gia Ba Bể, Ban Quản lý di tích và Rừng quốc gia Yên Tử, Ban Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng, Ban quản lý di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn, Ban Quản lý Di sản thiên nhiên quần đảo Cát Bà, Ban Quản lý Khu Di tích Gò Tháp, Ban Quản lý Di tích Cát Tiên, Ban Quản lý di tích Kim Liên...

dẫn các địa phương có di tích quốc gia đặc biệt tổ chức lập và triển khai thực hiện quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi theo quy định.

- Cả nước đã có 08 Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, 128 di tích quốc gia đặc biệt, từ nhiều năm nay các di tích sau khi được xếp hạng/công nhận đã được các địa phương quan tâm, triển khai lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi theo quy định tại Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ. Chỉ tính từ khi ban hành Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 07 Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, 21 Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Đánh giá chung:

+ Nhìn chung, việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích giúp cho việc triển khai hiệu quả các dự án tu bổ di tích, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch, kinh tế - xã hội của địa phương. Tính đến thời điểm hiện nay, Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và các Dự án liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo phù hợp với nội dung chuyên tiếp được quy định tại Điều 59 Luật Quy hoạch. Đồng thời, việc triển khai quy trình tổ chức lập nêu trên theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Quy hoạch chưa gặp phát sinh vướng mắc, chồng chéo.

+ Tuy nhiên, nhiều địa phương chưa nhận thức đầy đủ, nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế, nên chưa coi trọng công tác lập quy hoạch bảo quản tu bổ, phục hồi di tích; còn thiếu chuyên gia có trình độ chuyên môn về quy hoạch và di tích để tham gia hội đồng thẩm định; thiếu đơn vị đào tạo chuyên ngành dẫn đến nguồn nhân lực thực hiện công tác lập quy hoạch còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu công tác quy hoạch di tích hiện nay...

8.2. Giải pháp trong thời gian tới

- Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng trình Chính phủ để trình Quốc hội Luật Di sản văn hóa (sửa đổi). Theo đó, dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được xây dựng trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc nhà nước thống nhất quản lý hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa thuộc sở hữu nhà nước, phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương gắn chặt với trách nhiệm hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, phát huy vai trò của các cơ quan đoàn thể và toàn dân trong thực hiện chính sách, pháp luật di sản văn hóa. Thời gian dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2024 và thông qua Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 8 năm 2024.

- Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2013 hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường đầu tư kinh phí để triển khai việc lập, tổ chức thực hiện quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch theo yêu cầu, hướng dẫn tại Kế hoạch số 435/KH-UBTVQH15 ngày 16/3/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Quốc gia về trẻ em;
- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng